

CÁC NỮ THIÊN NHÂN TRONG THIÊN SỬ TRUNG HOA

I. Hai Mẹ Con Linh Chiếu :

A/Tiểu sử : Chúng ta chỉ biết tiểu sử của họ qua tiểu sử của Bàn Uẩn. Bàn phu nhân tên họ là gì, quê quán ở đâu cũng không ai biết. Gia đình họ có bốn người : hai vợ chồng, một con gái là Linh Chiếu, một con trai, tên là gì cũng không ai hay. Bàn cư sĩ sau khi tham Thạch Đầu và Mã Tổ triệt ngộ rồi về dạy lại cho vợ con. Đời Đường Đức Tông, năm Trinh Nguyên (785-804) đem tất cả tài sản vớt xuống sông Tương Giang, có sách lại nói là Động Đình Hồ. Tại đời Ninh Tông (806-820) di chuyển gia đình tới Tương Hán, làm ruộng ở chân núi Lộc Môn Sơn. Sau lại về Quách Tây tiểu xá, Linh Chiếu làm nghề đan tre, bện rổ để sinh sống.

B/Công án.

1-Một hôm, bạn thiên của Bàn Uẩn là Đơn Hà Thiên Nhiên, cơ phong sắc bén ít người địch được đến thăm, vậy mà Linh Chiếu dám vượt râu hùm.

Thiên Nhiên thấy Linh Chiếu đang ngồi nhặt rau bèn hỏi :

-Cư sĩ có nhà không ?

Linh Chiếu bỏ rổ rau xuống đứng dậy. Thiên Nhiên lại hỏi :

-Cư sĩ có nhà không ?

Linh Chiếu nhắc rổ rau lên, bỏ đi.

(Thiền cơ)

Câu hỏi ‘Cư sĩ có nhà không?’ lần thứ nhất hàm ý cư sĩ có thể ở nhà, có thể không ở nhà. Lần thứ hai có nghĩa là cư sĩ (chỉ tự tánh) không chỗ nào là không ở. Linh Chiếu bỏ rổ rau xuống, đứng lên biểu thị đây là hư không vô tướng, lão bá có thấy không?

Đơn Hà không biết được gì, đành lặp lại câu hỏi :

-Cư sĩ có nhà không ?

Linh Chiếu nhắc rổ rau lên rồi đi, ý nói :

-Cái này (tự tánh) vốn không trú, còn hỏi nữa làm gì ?

Đơn Hà chỉ đành đi về.

Linh Chiếu đem chuyện này kể cho Bàng cư sĩ nghe. Cư sĩ hỏi :

-Đơn Hà có đây không ? (Há chẳng phải vô tướng sao ?)

-Đi rồi ! (Chim bay trên trời đâu để lại vết tích gì ?)

Cư sĩ phê bình :

-Lấy sữa bò đổ trên đất nung. (Nay còn hình bóng không?)

Về sau Cao đài chủ có bài thi nói về chuyện này :

*Khi Đơn Hà hỏi, Cô gái khoanh tay.
Đang khi do dự, thả chạy chim bay
Ai kẻ chứng minh? Trong am ông lão
Đổ sữa đất nung, chẳng muốn thày lay.*

(Hồng Khải Tung)

Đơn Hà Thiên Nhiên đâu dễ dàng bỏ qua. Một hôm ông lại ghé thăm Bàng cư sĩ. Hai người gặp nhau ở cửa. Đơn Hà lại hỏi :

-Cư sĩ có nhà không ?

Rõ ràng là biết rồi còn hỏi, thật là coi lão Bàng chẳng ra gì !

-Đói chẳng lựa thức ăn.

Bàng cư sĩ cũng chẳng chịu kém, là con gái tôi làm phiền ông, đâu phải tôi.

Đơn Hà đành phải đổi giọng :

-Lão Bàng có nhà không ?

Chẳng ngờ Bàng cư sĩ nói :

-Trời xanh ! Trời xanh !

Rồi bỏ vào trong nhà, mặc kệ Đơn Hà.

Đơn Hà cũng kêu lên :

-Trời xanh ! Trời xanh !

Rồi tự mình về nhà.

2-Một hôm Bàng cư sĩ và Linh Chiếu đi bán rổ, khi xuống cầu vì sức yếu hay vì vô ý ngã lăn trên đất. Linh Chiếu đứng một bên thấy bố ngã, bèn chạy đến nằm xuống bên cạnh. Bàng lão nghĩ con mình thật kỳ lạ, bố ngã không lại nâng dậy mà lại đến nằm một bên, bèn hỏi :

-Con làm gì vậy ?

-Thấy bố ngã nên đến nâng dậy.

Bàng cư sĩ ngồi dậy rồi liền khảo nghiệm con gái :

-Cổ nhân nói : ‘Sáng sáng trăm đầu cỏ, sáng sáng ý tổ sư’, con giải thích thế nào ?

-Chẳng kể nói thế nào, nhưng bố đã già rồi còn nói như vậy !

-Con cứ nói coi !

Linh Chiêu nghiêm mặt nói :

-Sáng sáng trăm đầu cỏ, sáng sáng ý tổ sư !

Bàng cư sĩ liền cười.

(Thiền Nam, Thiền Bắc)

Thiền không phải là huyền bí. Xanh xanh tạp trúc đều là pháp thân, xum xuê hoa vàng thấy đều bát nhã, đều rõ ràng biểu thị yếu chỉ của Thiền. Về sau Hoặc Am làm bài kệ khen ngợi:

*Ngàn dặm không mây, ngàn hà lớn
Huyền lộ rộng rãi từ từ qua
Trí lượng ông bố đã hiếm có
Trên đầu con gái tỏa quang hoa.*

3-Một hôm, Bàng cư sĩ đang ngồi một mình bỗng nói :

-Khó, khó, khó, mùi tạ dầu mè trên cây vuốt.

Ý là học Phật, tu đạo rất khó tương tự như đem dầu mà vuốt lên cây cột có được không ? Cứ vuốt dầu lại chảy xuống. Tại sao khó? Vì người tu trải qua nhiều kiếp có tập quán chấp tướng, gập thuận cảnh thì cười ha hả, gập nghịch cảnh thì ưu sầu, khổ não. Kỳ thật các cảnh ấy đều là giả, là không cả. Người đời không biết cho đó là thật, giữ chặt không buông, do đó nói học đạo thật là khó. Thật ra có khó không ? Không khó. Tại sao ? Vì chúng ta vốn là Phật, không phải là biến phàm phu thành Phật. Chỉ cần chúng ta đừng bị mê bởi cái giả của ngoại cảnh, tâm thường giác thì là Phật vậy. Do đó Lục tổ nói :

-Niệm trước mê là phàm phu, niệm sau giác là Phật.

Bàng phu nhân nói :

-Dễ, dễ, dễ, trên đầu trăm cỏ ý tổ sư.

Ý là học Phật, tu đạo dễ, trong cả mọi sự việc, lìa cả mọi sự việc, lúc đó còn có cái gì ? Tâm không là ý tổ sư vậy. Đó cũng là ý của kinh Kim Cương :

Nếu thấy mọi tướng là không tướng thì thấy Như Lai.

Nếu lìa tất cả mọi tướng thì sự sự, vật vật đều là đại đạo còn có gì khó chứ ? Cho nên muốn học Phật, thành đạo không khó, đừng sợ vì chúng ta vốn là Phật. Chỉ cần buông bỏ tất cả xuống, cái tâm niệm thanh tịnh ấy không phải là Phật thì là cái gì ?

Nhưng Bàng cư sĩ và phu nhân một người nói khó, một người nói dễ là còn chấp, chưa phải là cứu cánh, vì chân trí thì một pháp chẳng lập. Nói khó không đúng, nói dễ cũng không đúng. Do đó con gái của hai người là Linh Chiêu nói :

-Cũng chẳng khó, cũng chẳng dễ, đói thì ăn, mệt thì ngủ, là quét đi vết tích của khó và dễ, quét đi mọi chấp trước đói ăn, mệt ngủ tự do, tự tại, an nhiên thọ dụng. Đó mới chính là Thiên Chân Phật.

(Phật pháp tu chứng tâm yếu)

4-Một gia đình đáng yêu, sống trong bầu không khí Thiên duyệt ai nỡ buông bỏ ? Nhưng mà họ không có một ý tham luyến nào, nói đi là đi, tự do, tự tại. Trước tiên là Bàng cư sĩ muốn đi, bèn bảo con gái :

-Ta định nhập diệt vào chính ngộ.

Bèn sai cô ra coi mặt trời lên tới đâu. Cô con gái quay lại thưa :

-Đã gần tới chính Ngọ rồi, nhưng có nhật thực.

Ông ra ngoài coi thì không có nhật thực gì cả. Khi trở vào phòng thì thấy con gái ngồi ở chỗ của mình mà đã đi rồi. Ông bèn cười nói :

-Con gái ta thật lanh lợi !

Qua bảy ngày sau, Chân Mục Vu Công đến thăm bệnh, ông nằm gác đầu trên gối Vu Công mà mất. Bà vợ thấy chồng và con gái đều đi, bèn chạy ra đồng báo tin cho con trai. Con trai nghe tin bố và em đều đi, bèn đứng dựa vào cái bừa mà hoá. Bà vợ nói :

-Các người đều vậy !

Rồi lo việc chôn cất.

(Minh tâm kiến tánh thoại thiên tông)

Công án này có nhiều tính cách truyền kỳ. Một vị cư sĩ có thể chúng đạo đã là khó, lại còn làm cho cả gia đình đều vượt lên sanh tử, thật không đơn giản. Hai vợ chồng già thời gian tham ngộ hẳn lâu, nhưng cô con gái đang tuổi thanh xuân mà cũng đạt được cảnh giới ấy. Câu chuyện này chứng minh hai điều :

a/Thiên là đốn chứ không tiệm.

b/Thiên không phải cứ ngồi mà tham.

5-Bà phu nhân một hôm lên chùa thiết trai cúng dường. Duy na bảo bà hồi hướng công đức. Bà giơ chiếc lược lên, cắm vào búi tóc và bảo :

-Đã hồi hương xong !

Bàng bà ngày đó hành động xa lìa quá khứ, tương lai đã hoàn thành công đức viên mãn, làm gì có công đức để được, để hồi hương ? Tất cả đều là tác dụng của tánh, làm gì có công đức với chẳng công đức mà hồi hương ?

Từ Ái Thâm thiên sư có bài kệ ca tụng :

*Bàng bà cầm lược cài vào đầu
Chuyện này trên đời có nhiều đâu ?
Muôn vạn đời sau còn bàn tán
Ngưỡng mộ người xưa phải cúi đầu.*

6- Sau khi chon cất mọi người trong gia đình, Bàng phu nhân có lưu lại một bài kệ. Hành trạng sau này của bà ra sao thì không ai biết.

*Ngồi đứng nằm đi chẳng mấy kỳ
Đâu bằng bà Uẩn duỗi tay đi
Hai tay dang rộng không chạm đá
Tung tích tuyệt không để lại gì.*

II. Nữ thiên sư Huyền Cơ.

1/Tiểu sử : Tiểu sử của nữ thiên sư Huyền Cơ có nhiều nghi vấn, vì các nguồn tài liệu không thống nhất. Theo Tổ Đường Tập thì Huyền Cơ là chị của thiên sư Huyền Giác. Do sự khích lệ của Huyền Sách và Huyền Cơ, Huyền Giác đã đến tham phỏng Lục tổ Huệ Năng. Những bài ca, bài kệ của Huyền Giác đều được Huyền Cơ sưu tập và phổ biến. Nhưng theo tác phẩm Phật tổ cương mục thì Huyền Giác có một cô em gái tu ở Tĩnh Cư Tự là Nữ ni Huyền Cơ. Cô tu tập ở hang núi Đại Nhật Sơn, có sáng tác Viên

Minh Ca, khi nhập diệt lộn ngược đầu mà hoá, nhưng vì pháp tướng điên đảo, bị người hét lên, thân liền ngã xuống. Khi sắp mai táng, có cơn gió mạnh nổi lên rồi sấm chớp đùng đùng, linh cữu bỗng nhiên không thấy nữa. Ngày hôm sau có người nói trên đỉnh núi có tiếng nhạc vang lừng, và thấy linh cữu của Huyền Cơ được đặt trên đỉnh núi. Đệ tử bèn lên núi đón về, hoả thiêu và dựng tháp Viên Minh thờ xá lợi.

Trong Gia Thái Phổ Đăng Lục và Ngũ Đăng Hội Nguyên lại chép Huyền Cơ là nữ đệ tử của Huyền Giác. Cả hai đều nói Huyền Cơ họ Đới (cùng họ với Huyền Giác). Xuất gia khoảng Đường Cảnh Vân (710-711) là nữ đệ tử của Huyền Giác, cùng đi tham phỏng các nơi với Huyền Giác, còn thì nhập định ở Đại Nhật Sơn, có lần đến tham phỏng Tuyết Phong.

Nhưng Tuyết Phong Nghĩa Tồn xuất hiện sau Huyền Giác cả trăm năm. Như vậy có thể là có thể có hai vị Huyền Cơ, một vị là chị hoặc em của Huyền Giác và một vị gặp Tuyết Phong Nghĩa Tồn một trăm năm sau. Cũng có thể là có hai vị Tuyết Phong, một Tuyết Phong bí mật gặp Huyền Cơ một trăm năm trước và một Tuyết Phong Nghĩa Tồn gặp Huyền Cơ một trăm năm sau. Các sách Thiền không để ý đến vấn đề thời gian, nên mặc nhiên coi như chỉ có một Huyền Cơ.

2/ Công án.

Tĩnh cư ni Huyền Cơ thường trong hang đá Đại Nhật Sơn ngôi thiền học đạo. Một hôm, bỗng nhiên khởi một niệm đầu :

-Pháp tánh thậm nhiên thâm diệu, không có tướng đến, đi; ta chỉ ngôi thiền là rơi vào tịch tịnh, sao gọi là thông đạt pháp tánh ?

Do đó than đến tham phỏng Tuyết Phong. Tuyết Phong hỏi :

-Cô từ đâu tới ?

-Đại Nhật Sơn.

-Thái dương đã mọc chưa ?

-Giả như đã mọc rồi, sẽ làm tuyết núi tan.

-Cô tên chi ?

-Huyền Cơ.

-Một ngày dẹt được bao nhiêu ?

-Một tấc cũng không.

Huyền Cơ bái rồi lui, cô đi được bốn, năm bước, Tuyết Phong gọi :

-Cà sa lê đất kia !

Tĩnh cư ni quay đầu lại xem vạt cà sa. Tuyết Phong bảo :

-Một tấc cũng không !

(Thiền chi hoa)

Thiền tông từ trung kỳ trở về sau biến cơ phong ngữ thành khẩu đầu thiền. Bản thân công phu chưa tới mà chỉ lợi khẩu, dĩ chí gần như xa hẳn tôn chỉ Thiền. Tĩnh cư ni tự nhận đã làm tan tuyết núi ám chỉ công phu cao hơn Tuyết Phong. Một tấc cũng không ám chỉ cô đã ngộ không, thanh thanh, tịnh tịnh, tâm không có chỗ nhiễm, nhưng mà loại khẩu đầu thiền này không phải tự chân như bản tính lưu lộ mà là do tâm phân biệt sanh ra. Do đó, không qua được sự giáo nghiệm của Tuyết Phong. Khi nghe cà sa lê đất, cô không ngăn được ngoảnh đầu lại nhìn, đã bị Tuyết Phong biết rõ công phu thô thiền.

Câu hỏi của Tuyết Phong :

-Mặt trời đã mọc chưa ?

Hàm ý đã thấy Phật tánh chưa ?

Tịnh cư ni đáp :

-Nếu mọc sẽ làm tan tuyết núi.

Câu đáp rất mẫn tiệp. Cô cũng dùng lối chơi chữ mà đáp, lại vì tuyết núi là tên của Tuyết Phong nên cô đã chiếm được thượng phong, mặc dù hơi kiêu ngạo. Tuyết Phong lại dùng tên cô Huyền Cơ (má y dật) để hỏi :

-Một ngày dật được bao nhiêu ?

là hỏi công phu của cô thế nào ?

-Một tác cũng không ?

là câu trả lời tuyệt diệu, một mũi tên hạ hai điều, chứng tỏ cô rất có khẩu tài. Nhưng khi Tuyết Phong bảo áo cô lê đất thì cô ngoảnh lại xem, tỏ rằng tâm cô hãy còn quái ngại, không phải một tác cũng không như lời cô nói.

(Thiền thú 60)

III. Ni Sư Tổng Trì.

1/Tiểu sử : Bà người Ngô Hưng, có tên là Đạo Tích, cũng có tên là Minh Luyện, hiệu là Tổng Trì. Khi tới Thiều Lâm Tự, Đạt Ma bắt đầu truyền pháp. Dưới mắt ông không có phân biệt Nam Bắc, nam nữ; do đó Tổng Trì đến tham học với ông. Sau khi Đạt Ma qua đời, bà lên tu ở núi Biện Lãnh Phong, chuyên tụng kinh Pháp

Hoa. Ròng rã 20 năm không hề xuống núi một lần. Các chim Bạch tước thường tụ lại ở đỉnh núi để nghe bà tụng kinh. Vì vậy, sau này người ta đã đổi tên Biện Lãnh Phong thành Bạch Tước Phong. Sau khi bà mất, chúng đệ tử đem thiêu và lập tháp thờ xá lợi. Năm 535 thấy tháp phát quang, người ta mở tháp ra thì thấy một bông sen xanh phát ra từ lõi bà. Mọi người đều thấy kinh dị. Chúng đệ tử bèn xây Pháp Hoa Tự ở nơi bà kết am năm xưa.

2/Công án :

Đạt Ma sắp nhập diệt, bảo chúng đệ tử tỏ ngộ cảnh của mình. Bà thưa :

-Như chỗ con thấy thì như ngài Khánh Hỷ thấy quốc độ của Phật A Súc một lần rồi không thấy nữa.

-Bà được phần thịt của tôi.

Tuy không được truyền y bát, nhưng ngộ cảnh của bà cũng là cảnh giới cao siêu không thể nghĩ bàn.

IV. *Mạt Sơn nương nương.*

1/Tiểu sử :

Liễu Nhiên thiên sư trú ở Thuy Châu Mạt Sơn, thuộc pháp hệ Cao An Đại Ngu thiên sư. Sau khi tham học với Đại Ngu bà đã triệt ngộ rồi liền trú ở Thuy Châu Mạt Sơn khai đường thuyết pháp. Do đó nhiều vị thiên sư, danh tăng thường đến luận đạo.

2/ Công án :

1-Một hôm, Chí Nhàn thiên sư đến Mạt Sơn, ông có nghe tiếng Liễu Nhiên, nghĩ bụng nếu là thật ngộ sẽ ở lại tham học, nếu

không sẽ lật đổ thiên sàng. Do đó, dằng dằng sát khí vào thiên đường. Mạt Sơn không nói một lời sai thị giả ra hỏi :

-Thượng toạ đến ngoạn cảnh hay đến vì Phật pháp ?

-Vì Phật pháp.

Do đó Mạt Sơn thẳng toạ, Chí Nhàn hỏi :

-Thế nào là Mạt Sơn ?

-Không lộ đỉnh.

-Thế nào là Mạt sơn chủ ?

-Không tướng nam nữ.

Chí Nhàn hét lớn :

-Sao không biến đi ?

-Chẳng phải thân, chẳng phải quý, biến cái gì ?

Chí Nhàn, tâm phục khẩu phục, xuống núi trồng trọt, cung cấp rau cho chùa 3 năm. Về sau ông trụ trì ở Quán Khê, một hôm thượng đường bảo đại chúng :

-Tôi ở nơi bố Lâm Tế được nửa môi, ở nơi mẹ Mạt Sơn được nửa môi, công lại là một môi. Ăn rồi, cho đến nay còn no, chưa thấy đói.

Trong công án trên Mạt Sơn nói không lộ đỉnh, ý là không thấy đỉnh là không để lại tông tích gì. Chí Nhàn nghĩ như vậy thì người đối diện lại là ai ? Rõ ràng là mâu thuẫn, nên hỏi tiếp :

-Vậy Mạt Sơn chủ thì sao ?

-Không tướng nam nữ.

Chí Nhàn tướng là tướng đã lộ, bèn nói :

-Sao không biến đi !

Chí Nhàn đã sai lầm coi Mạt Sơn là Long Nữ trong kinh Pháp Hoa, nào ngờ Mạt Sơn bảo :

-Chẳng phải Thần, chẳng phải Quỷ, biến cái gì ?

Biến chỉ là thần thông. Thần thông nếu có chỉ là phó sản của sự giác ngộ, không có cũng không cần phải cưỡng cầu. Mục Kiền Liên tôn giả là một trong mười đại đệ tử của Phật được tôn xưng là thần thông đệ nhất mà cũng không cứu được mẹ ngài thọ khổ. Do đó, Chí Nhàn đành chịu thua.

2-Có một ông tăng đến tham Liễu Nhiên, Liễu Nhiên hỏi :

-Sao ông mặc áo rách vậy ?

-Tuy vậy nhưng là sư tử con.

-Là sư tử sao bị Văn Thù cưới ?

Ông tăng không trả lời được.

(Thiền thú 60)

Đây là một cuộc pháp chiến dùng cơ phong chuyển ngữ. Đương trường thiền sư tìm một lối ra. Đối phương dùng câu nói ấy mà chuyển ra ý nghĩa từ thủ trở thành công, trong công có thủ. Mục đích là hỗ tương án chứng kiến địa, đo lường hư thực. Một vị thiền sư giỏi không những có kiến địa tốt mà còn phải có năng lực, do được huấn luyện về cơ phong chuyển ngữ, có thể lên võ đài. Cơ phong chuyển ngữ có khi thấy là vô nghĩa, phản nghĩa, có khi là tỷ dụ, hư hư, thực thực, linh hoạt vô cùng. Trọng yếu là

người nói và người đáp không chấp vào văn tự. Trong công án này Liễu Nhiên dùng một câu hỏi, nhường đối phương đáp. Ông tăng trả lời rất hay, sư tử tượng trưng cho trí tuệ quang minh vô lượng của Phật tánh không bị bề ngoài rách rưới ảnh hưởng. Liễu Nhiên đưa ra chuyển ngữ công kích bản lai Phật tánh dững mãi sao bị người cười ? Ông tăng không đáp được. Chúng ta hãy thử đáp thay cho ông ta :

a/Không phải đâu ! là sư tử cười Văn Thù. Đó là đảo ngược chủ khách, phá ngữ pháp của Liễu Nhiên và hiển lộ Phật tánh.

b/Hoặc có thể chuyển ngữ pháp của Liễu Nhiên :

-Sư tử lớn cười sư tử con thì có gì là lạ ?

Đó là đem Văn Thù chuyển thành Phật tánh.

c/Hoặc : Sư tử của bà chạy đi đâu rồi ?

Đó là chuyển thủ thành công.

Đây là do chúng ta suy nghĩ về sau, còn đương trường câu trả lời phải như lửa xẹt, không có thì giờ suy nghĩ thì bại là cái chắc.

V.Huệ Ôn.

Nữ thiền sư Huệ Ôn người ở đâu thì không biết. Sau khi xuất gia tham học với thiền sư Thanh Viễn. Sau khi liễu ngộ đến trụ trì ở Tĩnh Cư Tự, Ôn Châu.

Một hôm thượng đường niêm cổ. Niêm cổ là một loại thuyết pháp, đưa ra một câu trong công án hay ngữ lục và phê bình.

Bà nói :

Pháp Nhãn có nói :

*Tụ họp đại chúng
Đánh trống tùng tùng
Trong mọi sự việc
Phật tánh hiện tiền.*

Như sư núi này thì nói :

*Tụ họp đại chúng
Đánh trống tùng tùng
Bên mình không gậy
Giơ cán chổi lên.*

Đối với bà mèo trắng hay mèo đốm nếu có thể bắt chuột thì đều là mèo tốt, không có dùi đánh trống thì dùng cán chổi cũng chẳng sao. Tất cả đều là Phật tánh hiển lộ.

VI. Huệ Quang.

Bà người Thành Đô, họ Phạm tham học với thiền sư Pháp Thành được mặc khế, sau đó thuyết pháp ở Diệu Huệ Tự.

Năm Chính Hoà thứ 3 (1113) Tống Huy Tông bố thí pháp y cho các thiền sư, Huệ Quang cũng tham dự pháp hội đó.

Trong pháp hội, các thiền sư lần lượt lên thuyết pháp. Huệ Quang là người cuối cùng. Bà nói :

-Nếu nói về Thiên đạo, thì chư thiên đức đã nói hết rồi, cổ đức nói ngàn vạn lời chỉ là muốn chỉ cho mọi người chẳng mê muội. Tuy nhiên là thế, nhưng là thế nào ?

Nói đến đây bà lấy pháp y đội lên đầu. Rất lâu sau đó nói :

-Nạp y đội đầu, vạn sự đều ngưng, lúc đó sơn tăng cái gì cũng chẳng biết.

Lúc đó mọi người trong pháp hội đều thán phục.

Từ Phật cho đến các chư tổ, giáo pháp ngàn vạn lời cho đến cơ phong, công án chỉ là dạy người thường giác bất muội, hoạt bát tự tại.

Một hôm bà đăng toà niêm cổ, bà nói :

*Triệu Châu miệng lưỡi
 Khiến cho lão bà
 Mi mao đầy đất
 Khám phá trở về
 Vô hạn người ngủ.*

Sự thực, có thể ngủ yên cần phải vô tâm, có công phu thâm hậu.

VII. Pháp Hải.

Mới đầu bà tham học với thiền sư Pháp Tú ở Pháp Vân Tự, nhưng chưa ngộ thì Pháp Tú qua đời. Sau đó, bà lại theo Bản Giác Pháp Chân ở Bản Giác Tự. Sau khi liễu ngộ bà ẩn tu ở Thiên Trúc Tự. Nhiều vị tăng đến yêu cầu bà đăng đàn giảng pháp nhưng bà thấy không khế hợp nên từ chối, chỉ tự mình âm thầm tu học. Khi thể duyên đã dứt, bà để lại di hạt, ngồi thiền mà viên tịch.

*Sương trời đông thành hạt
 Trăng lạnh soi sườn non
 Được thư quê hương cũ
 Người đi thật ám lòng.*

VIII. *Các lão bà thiên vô danh.*

Trong thiên sử có một số lão bà thiên vô danh đã góp mặt trong một số công án trú danh. Sau đây chúng tôi xin liệt kê một vài trường hợp được nhiều người biết đến.

1-Triệu Châu gặp một bà già trên đường bèn hỏi bà đi đâu. Bà già đáp :

-Đi ăn trộm măng của Triệu Châu.

-Nếu bỗng nhiên gặp Triệu Châu thì phải làm sao ?

Bà già bèn tát cho Triệu Châu một tát.

(Minh tâm kiến tánh thoát thiên tông)

Ăn trộm là một hành vi bí mật, cũng để diễn ý không thể nói được, đồng thời cũng là để khảo nghiệm Triệu Châu xem ông đối đáp ra sao. Triệu Châu cũng là một tác gia dĩ nhiên không chịu đáp bèn hỏi ngược lại. Bà già nhanh tay, lẹ mắt bèn đánh cho một tát tai. Triệu Châu vẫn không nói gì.

2-Dưới chân Ngũ Đài Sơn có một bà lão mở quán bán trà. Có một ông tăng đến đó hỏi thăm đường đi. Bà lão không chỉ phương hướng chỉ nói một câu :

-Cứ đi thẳng.

Ông tăng y lời đi. Đi được vài bước thì nghe tiếng bà lão cười nói :

-Tuởng là một ông tăng có đạo hạnh, nào ngờ lại nghe lời của một bà lão.

Ông tăng này không hiểu ý bà lão, khi tới chùa bèn kể lại cho Triệu Châu nghe. Triệu Châu đã nghe vài ông tăng khác thuật lại

kinh nghiệm đã trải qua như vậy, bèn quyết định tự mình đi coi xem sao.

Ngày hôm sau, Triệu Châu cũng giả bộ đi hỏi đường và bà lão cũng nói :

-Cứ đi thẳng.

Triệu Châu đi vài bước lại nghe thấy tiếng bà lão cười và nhắc lại câu nói cũ. Triệu Châu không tức giận, không mắc cỡ, cũng không ngoảnh cổ lại, cứ đi thẳng về chùa. Về tới chùa rồi, Triệu Châu bảo đại chúng :

-Tôi đã vì các ông khám phá hàm ý của bà lão rồi !

Ngoài ra không nói gì thêm.

(Danh thiền bách giảng)

Bà lão nói cứ đi thẳng là khuyên các ông tăng chuyên tâm nhất ý cầu Phật đạo, đừng để ngoại cảnh sai xử, nếu bị người cười chê, chọc giận, cũng không bị sân hận làm lay chuyển lòng cầu đạo. Con người là một động vật có cảm tính. Cảm tính rất dễ làm mất lý tính. Do đó, chúng ta nên nhớ kỹ lời bà lão :

-Cứ đi thẳng.

Để cầu chân lý chúng ta phải vất bỏ mọi sân hận đối với đối phương, hiểu biết đối phương, yêu thích ưu điểm của đối phương. Lấy ưu điểm của đối phương bổ túc cho khuyết điểm của mình. Nếu được vậy con người sẽ gần gũi nhau hơn, xã hội cũng không có đối lập, tranh chấp. Đó mới là vượt qua đối phương và chính mình.

*Một câu trả lời cố định không thích hợp cho mọi trường hợp, chân lý của đời sống là biến dịch.

(Thái Chí Trung)

3-Động Sơn lúc mới hành cước gặp một bà lão gánh nước trên đường. Ông xin nước uống. Bà lão bảo :

-Tôi sẽ cho ông nước uống, nhưng trước hết hãy trả lời câu hỏi của tôi : Nước có bao nhiêu bụi ?

-Vốn không có bụi.

-Đi, đi ! Đừng làm bẩn nước của tôi.

(Động Sơn Lục)

Nước có bao nhiêu bụi ? là bà lão nêu lên vấn đề đương thời quan niệm thân người nữ có ngũ chướng không thể thành Phật được. Động Sơn trả lời ‘Vốn không có bụi’ là ông viện dẫn quan điểm của tổ Huệ Năng trong Pháp bảo đàn kinh : tự tánh vốn trong sạch thì làm gì có bụi ? Câu nói của bà lão là chấp nhận quan điểm này.

4- Có ni cô định khai đường thuyết pháp. Đàm Không nói :

-Nữ ni không nên khai đường thuyết pháp.

-Long nữ mới 8 tuổi đã thành Phật, người nói sao ?

-Long Nữ có 18 pháp biến, bà thử biến một pháp cho lão tăng coi!

-Biến được thì cũng chỉ là dã hồ tinh mà thôi.

(Thiền viên)

Trong xã hội ngày nay, ni cô dĩ nhiên có thể khai đường thuyết pháp. Người thuyết pháp không cứ là nam hay nữ, mà là có ích cho thính chúng hay không. Biến chỉ là thần thông. Thần thông

nếu có chỉ là trợ duyên cho sự thuyết pháp nếu không có cũng không cần phải cưỡng cầu.

5-Đức Sơn mới đầu theo Luật tông, coi Thiên tông như cừu địch. Ông hạ quyết tâm Nam du kiếm thiên tăng để tranh luận. Ông nghiên cứu kinh Kim Cương rất thâm, vác sách chú thích kinh trên vai mà đi. Tới Hồ Nam ông dừng lại một quán bên đường định điếm tâm trước khi đi tiếp. Bà già chủ quán hỏi ông vác gì trên vai. Đức Sơn ưỡn ngực kiêu ngạo đáp là sách chú giải kinh Kim Cương của mình. Bà già liền bảo :

-Vậy sao ? Tôi có một câu hỏi nếu thầy đáp được thì được điếm tâm miễn phí, nếu đáp không được thì đi quán khác.

Đức Sơn cười bằng lòng.

Bà già hỏi :

-Kinh Kim Cương nói : ‘Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc. Thầy muốn điếm tâm là điếm tâm nào ?

Đức Sơn vốn không nghĩ đến vấn đề này, do đó không trả lời được. Bà già chỉ điếm:

-Nếu thầy chưa cam lòng, hãy tìm Long Đàm mà hỏi.

(Thiên tông dật sự)

Tâm vốn không có thực thái, chỉ xuất hiện trong một thời gian ngắn ngủi rồi biến mất. Tâm quá khứ đã qua rồi, tâm hiện tại chỉ trong sát na, tâm vị lai thì còn chưa xuất hiện, như vậy đều không nắm được.

*Không thể coi tâm là đối tượng để nắm bắt mà phải trông cậy vào sự tự giác của chủ thể. Lúc đó sẽ thấy rằng bản tâm chính là chủ nhân ông vậy.

(Nhất nhật nhất thiên ngữ)

6-Ma Cốc, Bảo Truật, Nam Tuyên cùng hai ba người nữa đến yết kiến Kinh Sơn Đạo Khâm. Trên đường, họ gặp một bà lão. Ma Cốc hỏi :

-Đến Kinh Sơn đi lối nào ?

-Cứ đi thẳng.

-Phía trước nước sâu có qua được không ?

-Chân chẳng ướt nước.

-Sao bờ trên lúa tốt, bờ dưới lúa xấu vậy ?

-Đều bị cua ăn hết.

(Thiền ngoại thuyết thiền)

Học thiền phải chuyên cần tinh tấn đừng sợ này, sợ nọ thì mới có hy vọng thành công. Ở đây bà lão là một tác gia, bà dùng lối chơi chữ để ngụ ý. Trong tiếng Hoa, con cua là bang giải. Tiếng đồng âm của bang là bang vụ, là bị cảnh nhiễu loạn. Tiếng đồng âm của giải là giải đãi là lười, là sợ khó mà lui.

7-Ma Cốc và bạn đồng học sau khi ngộ đạo rồi, cả bọn năm người cùng đi hành cước, tham phỏng. Trời nắng gắt, năm người khát nước bèn vào một quán trà bên đường gọi năm ly trà. Bà lão bán trà thấy năm vị hoà thượng bèn hỏi :

-Các vị đi đâu ?

-Đi tham thiện tri thức.

Bà già bung trà ra rồi bảo :

-Trà ở đây chỉ có người có thần thông mới uống được, người không có thần thông không uống được !

Năm vị thiền sư tuy đã đại ngộ nhưng thần thông chưa phát, nhìn nhau không dám nâng ly lên uống.

Bà già thấy vậy cười ha hả :

-Năm con chim ngọc này hãy coi bà là trình thần thông uống trà.

Nói rồi nâng ly lên uống cạn một hơi.

Năm người hoảng nhiên đại ngộ, bèn thưa :

-Hôm nay mới là ngày chúng tôi chân chính ngộ đạo, chúng tôi ở trong thần thông mà không biết thần thông, còn đi tìm bên ngoài, hôm nay nếu không gặp bà bà thì đã sai lầm một kiếp.

(Phật pháp tu chứng tâm yếu)

Tâm thường nhật dụng chính là thần thông diệu dụng.

8-Một vị tỳ khuru ni đời Đường (có sách chép là ni cô Vô Tận Tạng) sau khi đi các nơi tham học, khai ngộ rồi viết bài thơ sau :

*Trọn buổi tìm xuân chẳng thấy xuân
Giày cỏ dẫm khắp mây đầu non
Trở về bỗng qua dưới hoa mai
Xuân ở đâu cảnh đà mười phần.*

(Đồ Nam dịch)

Chúng ta cầu đạo cũng như đi tìm xuân. Cả ngày đi khắp sơn cùng thủy tận, mòn cả dép cỏ mà cũng chẳng thấy xuân đâu. Đến khi trở về, ngửi thấy mùi thơm của hoa mai trong vườn mới biết

xuân đã tới rồi. Bài thơ này thuyết minh chúng ta đi tìm chân lý, trí tuệ, tìm hoài mà vẫn không thấy vì không biết hướng nội.*Tại sao tìm xuân không được ? Xuân đến muôn nơi, gió thổi là gió xuân, chim hót là khúc ca xuân, cỏ cây hoa lá đều là xuân. Tìm xuân đâu có khó ? Đây là một tỷ dụ mình đang sống trong mùa xuân mà còn đi tìm xuân ở đâu ? Ý của bài thơ là muốn đi tìm trí tuệ, nhưng khi ta bỏ xuống hết ý mong cầu thì đó là trí tuệ. Nếu trong tâm cầu có một cái gì để đạt được thì đã bị chướng ngại rồi. Xuân là cái gì ? Tiếng chim hót, mùi thơm của hoa, non xanh nước biếc đều là xuân nhưng chúng có vĩnh viễn tồn tại không ? Không. Chúng luôn biến đổi. Nếu có một mùa xuân vĩnh viễn không biến đổi thì đó không phải là xuân nữa.

(Công án 100)

IX. Gia Đình Cam Chí.

1/Tiểu sử : Trong Thiên sử Trung Hoa ngoài gia đình Bàn Uẩn còn có gia đình Cam Chí gồm hai vợ chồng và một con gái cũng đều liễu ngộ. Cam Chí người Trì Châu (tỉnh An Huy ngày nay) học trò Nam Tuyền, ông tu tập Phổ Hiền hạnh nguyện.

2/Công án :

1-Cam Chí thấy Tuyết Phong tới vội đóng cửa lại và nói :

-Mời vào !

Tuyết Phong đứng ngoài dậu tre giơ tay phất cà sa một cái, Cam Chí lập tức mở cửa, vái lạy.

(Thiền cơ)

Cam Chí đóng cửa là có tâm phân biệt trong ngoài. Tuyệt Phong phát tay áo là chỉ đã vào trong. Cam Chí hiểu được điều này nên vội vàng mở cửa vái lạy.

2-Cam Chí đặt một chén cháo trên bàn nói :

-Thỉnh thiên sư niệm kinh.

Nam Tuyên quay lại chur tăng, bảo :

-Cam Chí để một chén cháo trên bàn thỉnh đại chúng niệm kinh A Di Đà.

Cam Chí nghe rồi lạy mà lui ra.

Nam Tuyên vào bếp đập vỡ nồi.

(Thiền cơ)

Cháo có niêm tánh, tượng trưng sự bị trói buộc. Nam Tuyên đập vỡ nồi ám chỉ phá bỏ sự trói buộc.

3-Khi pháp nạn Hội Xương xảy ra, chur tăng ni bị buộc phải hoàn tục. Nham Đầu làm nghề chèo đò ở ven hồ, Cam Chí mời ông đến nhà độ hạ. Một hôm, Cam Chí thấy Nham Đầu đang vá áo, ông đến trước mặt Nham Đầu. Nham Đầu giơ kim vá áo lên dư dư như định đâm vào Cam Chí. Cam Chí hoát nhiên khai ngộ, cười ha hả trở về phòng, thay quần áo tử tế ra bái lạy Nham Đầu. Cô con gái nghe tiếng bố cười lấy làm lạ chạy ra hỏi :

-Bố cười chuyện gì thế ?

-Chuyện này con đừng hỏi.

Bà vợ chạy ra hỏi :

-Có chuyện tốt phải bảo cho mọi người cùng biết chứ !

Cam Chí bèn kể lại. Bà vợ là người lanh lợi nghe rồi liền ngộ, bèn nói :

-30 năm sau, có lúc uống nước, có khi bị nghẹn.

Ý nói có ngộ cảnh rồi thì phải luôn luôn tỉnh giác.

Nào ngờ cô con gái đứng bên cũng liễu ngộ , phê bình :

-Ai hay tánh mạng một người bị thượng toạ dùng một mũi kim đoạt mắt.

Nhiều năm sau, thiền sư Linh Trác làm một bài kệ phê bình chuyện này như sau :

Mũi kim lấy mạng mấy ai biết ?

Hai mẹ con sao lại chẳng nghi.

Cái quả phàm thánh ở đâu nhỉ ?

Hỏi chuyện này rõ thượng thượng cơ.

Chuyện này là sao ? Cả nhà Cam Chí ngộ được điều gì ? Nham Đầu giơ kim vá áo lên dứ dứ vào người Cam Chí là có ý gì ? Ông định vá cái gì ở Cam Chí vậy ? Có thể là Cam Chí còn chấp, còn sống trong tâm cảnh đối đãi dài ngắn, giàu nghèo, tăng tục, đúng sai v . v . như vạt áo bị rách thành hai mảnh. Dùng kim có thể vá hai mảnh rách liền lại thành một. Những đối đãi như hai mặt của một đồng tiền. Tất cả chỉ là một, một là tất cả.

X. *Trịnh Thập Tam Nương.*

Thập tam nương không biết người ở đâu. Năm 12 tuổi cô đi theo một sư cô đến tham thiền sư Quy Sơn. Quy Sơn Linh Hựu hỏi sư cô :

-Sư cô trú ở đâu ?

-Ở bên sông Nam Đài.

Không ngờ Quy Sơn hét lớn đuổi cô ra khỏi phòng.

Sau đó, Quy Sơn quay lại Thập tam nương hỏi :

-Còn cô bé kia ở đâu ?

Thập tam nương tuy còn nhỏ nhưng đảm lượng lớn, không sợ bước ra trước khoanh tay đứng. Quy Sơn thấy cử chỉ cô đặc biệt, không biết cô có nghe rõ câu hỏi hay không bèn lặp lại câu hỏi. Cô trả lời :

-Con sớm đã trình hoà thượng rồi !

Quy Sơn gật đầu :

-Đi !

Đây là lời chấp nhận của Quy Sơn. Đã ở rồi đi, trong thiên hạ chỗ nào chẳng thể tự do tự tại ?

Thập tam nương về pháp đường, sư cô không hiểu trách :

-Thập tam nương ! Bình thường nói mình hiểu Thiên, hôm nay bị đại sư hỏi lại không nói được gì ?

-Thật khổ thay, với nhãn quan như vậy mà dám nói tôi đi hành cước ! Cô mau cởi nạp y giao cho tôi mặc.

Về sau thanh danh của cô vang dậy, nhiều thiền sư, đại đức đến tham phỏng. Một hôm thiền sư Bảo Phúc và Cam trưởng lão đến thăm.

Bảo Phúc hỏi :

-Nghe nói cô có đến tham Quy Sơn ?

-Phải.

-Quy Sơn diệt độ rồi đi đâu ?

Thập tam nương chỗi dậy xuống đứng bên thiền sàng.

Ý là ở và đi là một, không có phân biệt Đông, Tây, Nam, Bắc.

Cam trưởng lão không chịu :

-Lúc rồi thì nói Thiền thao thao, giờ sao không nói ?

-Hai môi mấp máy để làm gì !

-Nếu hai không mấp máy, thì làm được gì ?

-Làm mồm chó.

Ý của Cam trưởng lão là : Như tôi thấy cô chỉ được cái lợi khẩu chứ ngoài ra đâu có cảnh giới chân thật gì ! Nếu không khua môi múa mép thì có làm được gì ? Không ngờ Thập tam nương rất khẩn tiếp, trả lời ngay. Khi chớ mấp máy môi chớ sửa ra ăng ẳng là gì ? Nhưng súc sinh vẫn là súc sinh, có nói lời gì đâu. Câu trả lời chứng tỏ cô đã vượt lên vật ngã.

XI. Lãng Hành Bà.

Lãng Hành Bà không biết gốc tích ra sao, một hôm đến tham phòng Phù Bôi hoà thượng. Sau khi chủ khách an tọa, Phù Bôi mời Lãng Hành Bà uống trà. Bà nâng ly trà lên uống một ngụm, rồi hỏi :

-Dùng hết sức mà không nói được câu trọng yếu thì giao phó cho ai ?

Đây là cái ngàn thánh chẳng truyền, Phật tổ cũng khó mở miệng, nói không được, cũng không thể nghĩ bàn, hoà thượng làm sao bảo cho lão bà tầm thường này ?

-Phù Bôi không có lợi ngữ.

Đây là một câu nói mọi chỗ viên dung không có kẽ hở. Nếu hết sức mà không nói được câu trọng yếu và giao phó cho ai thì Phù Bôi tôi không có lời dư thừa hoặc lời nào khác.

-Chưa đến Phù Bôi đã nghi rồi ! Xem ra tôi nghĩ không sai, lúc chưa đến tôi đã nghi cảnh giới của Phù Bôi, đến rồi quả thật không lầm.

-Có tài cán gì cứ nêu ra coi.

Lăng Hành Bà giơ hai tay ra khóc :

-Trời xanh ! Lại thêm oan khổ rồi !

Phù Bôi không lời đáp lại, chỉ đành im lặng.

Nhưng Lăng Hành Bà không tha :

-Lời chẳng biết chính, biên, lý chẳng sua tà tức thì hoạ sanh.

Về sau có ông tăng đem chuyện này thuật lại cho Nam Tuyền là sư huynh của Phù Bôi nghe. Nam Tuyền nói :

-Khô thay, sư đệ Phù Bôi đã bị lão bà đẩy ngã.

Lăng Hành Bà được người thuật lại câu nói của Nam Tuyền, cười bảo :

-Vương lão sư còn thiếu cơ quan sảo diệu !

Lời bình của Nam Tuyền chí công vô tư vẫn bị chê nên có vị thiên sư tên là Trùng Nhất rất bất bình, gặp Lăng Hành Bà bèn hỏi :

-Sao Nam Tuyền còn thiếu cơ quan diệu sảo ?

Lão bà vừa khóc vừa nói :

-Thật buồn ! Thật đau !

Trùng Nhất bị bà làm cho điên đầu, cũng không hiểu ý bà là sao. Bà từ bi hỏi :

-Có hiểu không ?

Trùng Nhất chấp hai tay mà đứng, giả lấy động tác hiểu ý. Nhưng Lăng Hành Bà là người sang suốt bèn nói :

-Đồ thiên sư chết bầm ! Như cỏ gai.

Trùng Nhất đúng là loại thiên sư hoá hổ thành chó, sau lại đem chuyện này kể cho Triệu Châu nghe. Triệu Châu nghe rồi liền bảo :

-Tôi mà gặp bà già thối đó thì sẽ hỏi cho câm miệng luôn.

Trùng Nhất vui mừng hỏi :

-Không biết hoà thượng hỏi bà ta như thế nào ?

Ông định học cách để báo thù, nào ngờ Triệu Châu giờ thiên trượng lên đánh ông.

-Vì sao thiên sư đánh tôi ?

-Tên chết bầm này không đánh còn đợi đến bao giờ ?

Chuyện này nhanh chóng đến tai Lăng Hành Bà, bà nói :

-Triệu Châu thích hợp ăn gậy của lão bà.

Sự thật thì gậy của Triệu Châu là cách sơn đả ngu đánh trên thân của Trùng Nhất, nhưng lại làm đau tâm lão bà. Có ông tăng lại đến Triệu Châu thuật lại câu nói của Lăng Hành Bà, Triệu Châu nói :

-Thật buồn ! Thật đau !

Triệu Châu du hí, tự tại : bà hiểu, tôi cũng hiểu, bà dám tôi cũng dám, bà làm náo loạn, tôi cũng làm náo loạn. Nghe lời nói của Triệu Châu, Lăng Hành Bà chấp tay khen ngợi :

-Nhân quan của Triệu Châu chiếu phá khắp thiên hạ.

Triệu Châu phái một ông tăng đến hỏi :

-Thế nào là mắt Triệu Châu ?

Lăng Hành Bà bèn giơ nắm đấm lên.

Ông tăng về thuật lại.

Triệu Châu rất khen ngợi.

XII. Tín Tướng.

Tín Tướng người Miên Trúc (Tứ Xuyên) cha là Dương Vỹ, một vị đạo sĩ có tiếng trong Đạo giáo, tự xưng là Tam Động tiên sinh. Nhân dân trong vùng từ các nơi mang thóc gạo đến nhà đổi lấy chương phù (bùa), mục đích hy vọng bảo hộ bình an. Vợ Dương Vỹ mang thai, tâm tánh thay đổi, ghét ăn thịt cá, sanh một bé gái đặt tên là Tín Tướng. Đứa nhỏ này thích yên tĩnh, thường tự mình tĩnh tọa. Lần mang thai sau sanh ra một bé trai, khi được 6 tuổi thường cùng chị ngồi thiền. Phụ thân là một Đạo sĩ, không

biết gì về Phật giáo. Hai đứa nhỏ tuy sanh trong nhà Đạo gia, nhưng lại không theo Đạo giáo mà tự nhiên cứu Phật giáo. Có một lần hai đứa nhỏ tranh luận, phụ thân hiếu kỳ bèn lấy giấy ghi chép lời hai đứa tranh luận cộng hơn trăm trang giấy. Lúc đó ở Long Hoài tự có hội pháp sư nghe tiếng hai đứa nhỏ bèn lại thăm. Phụ thân mang tập giấy ghi chép ra cho Hội pháp sư xem. Hội pháp sư xem xong kinh dị bảo :

-Hoàn toàn phù hợp với kinh Phật.

Về sau có một dị tăng ở Tĩnh Tuệ Tự nhập hoả quang tam muội phá người đến gọi Tín Tướng. Tín Tướng đến nơi không lại gần được vì có lửa. Dị tăng bảo :

-Nếu đã thấy lửa, sao không lấy nước diệt đi ?

Tín Tướng bèn nhập thủy quán bèn vào được. Dị tăng thấy cô có căn cơ bèn khuyên cô xuất gia. Tín Tướng muốn xuất gia, nhưng ở nhà đã hứa gả cho người và thông gia không muốn cô xuất gia. Sau phải nhờ Đạo, Tục, tăng quan ra mặt nói mới được như nguyện. Em trai cô cũng xuất gia một lượt, sau là thiền sư Huệ Khoan. Thục Vương Tú lúc đó ở Ích Châu mời Tín Tướng vào thành. Vương phi lại lập tịnh xá cung dưỡng. Một lần khi ra đường có người trông thấy nổi lòng tà niệm. Cô gọi người ấy lại bảo :

-Đừng có dị tâm đối với Tam bảo, sẽ bị thọ tội.

Người đó kinh hoảng, sám hối rồi đi. Điều này chứng tỏ Tín Tướng đã đắc tha tâm thông. Cô có khi cả tháng không ăn uống. Khi muốn ăn thì không biết cơm từ đâu tới. Đương thời xưng tụng cô là thánh ni. Chùa cô cư ngụ sau được gọi là Thánh Ni Tự.

XIII. Diệu Tong.

Bà người Bình An Phủ (Giang Tô), sanh vào đời Tống. Năm 15 tuổi, bà tự hỏi thân tôi từ đâu tới, chết rồi đi về đâu ? Lớn lên có lập gia đình nhưng đến ngoài 30 tuổi thì bà xuất gia. Bà ham mộ Thiền tông, nên đến tham học thiền sư Đại Huệ Tông Cảo thuộc dòng thiền Lâm Tế phái Dương Kỳ.

Để khảo nghiệm bà, Đại Huệ kể lại công án sau :

Vì pháp nạn, thiền sư Nham Đầu làm nghề lái đò đưa người qua sông. Ông có treo một cái bảng, ai muốn đi đò thì gõ vào bảng. Ông liền hỏi :

-Ai ? Muốn sang bờ nào ?

Sau khách trả lời, ông liền chèo đò đến rước. Một hôm có một thiếu phụ bồng một đứa nhỏ trên tay đến gõ bảng. Để trả lời Nham Đầu bà nói :

-Tôi sanh 7 đứa, 6 đứa trước vô duyên, còn đứa này.

Bà nói đến đó bèn ném đứa bé xuống sông.

Bà này điên ? Hay bị tàu hoả nhập ma ? hay muốn đấu Thiền cơ ? Bà nghĩ lúc đó Nham Đầu phải làm gì ? Lấy mái chèo đẩy bà xuống nước, hay tự mình nhảy xuống nước cứu đứa bé ?

Bà trả lời bằng một bài kệ :

*Mây núi, trăng biển đều vớt bỏ
Trang Châu hoá bướm giấc mộng huyền
Lênh đênh chiếc bách trên dòng nước
Hoa chào thương lượng chuyện nhân duyên.*

Đại Huệ gật đầu.

Một hôm bà đang ngồi thiền bỗng nhiên đại ngộ, bèn làm bài kệ trình ngộ cảnh lên Đại Huệ :

*Đạt Ma hà tất đến
 Nhị tổ lạy ích gì ?
 Đừng đến, đừng lạy nữa
 Lũ giặc cỏ thua rồi.*

Đại Huệ ân khả cho bà bằng một bài kệ :

*Bà đã ngộ tổ sư ý
 Một dao chém xuống đứt hai
 Thế gian không thừa, không thiếu
 Lâm cơ tự tánh hiện ngoài
 Tôi làm kệ này chứng minh
 Tứ thánh, lục phàm chẳng kinh
 Ngừng bật mọi niềm sợ hãi
 Tên Hồ mắt biết chưa rành.*

XIV. Ni Cô Thật Tế.

Đời mạt Đường, Câu Chi hoà thượng trú ở một am cỏ ở Kim Hoa Sơn để tu hành. Một hôm ni cô Thật Tế đến thăm, đầu đội nón tre, tay cầm thiền trượng, nhiễu quanh thiền sàng ba vòng bảo :

-Nếu thầy nói có đạo lý, tôi sẽ ngả nón.

Cô nhắc lại ba lần mà Câu Chi cũng không trả lời được bèn bỏ đi. Câu Chi rất mắc cỡ. Không lâu có hoà thượng Thiên Long tới, ông bèn thuật lại chuyện trên. Thiên Long giơ một ngón tay lên, Câu Chi tức khắc khai ngộ.

(Tứ lý thiền)

Ni cô nhiều quanh thiền sang ba vòng là có ý gì ? Kỳ thực rất đơn giản chỉ là cô muốn nói: Tôi có thể đi, tôi có thể dừng, có thể nói. Nhưng cái có thể này là cái gì và ‘tôi’ lại là cái gì ? Nếu tôi đến đứng trước mặt một người và hỏi : Đây là ý gì ? Người đó không bảo tôi mắc bệnh điên mới là chuyện lạ. Các vị thiền sư thích mắc bệnh thần kinh này lại cũng thích hướng dẫn cho người ta mắc bệnh. Thiên Long giơ một ngón tay lên là đối chứng bệnh cho thuốc, lấy không đối không. Các ông nói coi một ngón tay này có áo bí gì ? Không có. Chính vì thế nên mới trả lời được vấn đề không có vấn đề nêu ra , nhưng ở đây nó bao hàm ý tưởng : Tôi có thể giơ ngón tay lên, cũng có thể rút ngón tay lại, tôi có thể thế này, tôi có thể thế kia v . v . Các độc giả hãy ngẫm cho kỹ.

*Khi Câu Chi mới gặp ni cô Thật Tế, theo lời than của ông chúng ta thấy ông còn chấp tướng nam nữ. Do đó, ông không trả lời ni cô được. Thiên Long giơ một ngón tay lên biểu thị tự tánh bình đẳng không có tướng nam nữ, một ngón tay chỉ sự tuyệt đối. Do đó Câu Chi liễu ngộ. Về sau dùng một ngón tay để tiếp dẫn người học. Một đồng tử cũng bắt chước câu Chi , ai hỏi gì về Phật pháp cũng giơ một ngón tay lên. Câu Chi biết chuyện gọi đồng tử đến, hỏi :

-Người cũng hiểu Phật pháp rồi phải không ?

-Dạ !

-Phật là gì ?

Đồng tử giơ một ngón tay lên. Câu Chi bèn rút dao dẫu trong tay áo chặt đứt ngón tay ấy. Đồng tử đau quá vừa khóc vừa chạy. Câu Chi hét lớn bảo đứng lại, đồng tử quay đầu lại. Câu Chi hỏi :

-Phật là gì ?

Theo tập quán đồng tử giơ tay lên, không thấy ngón tay đâu, bỗng nhiên đại ngộ. Đồng tử không hiểu ý nghĩa chân chánh của một ngón tay, chỉ chấp hình tướng giơ tay, nghĩ rằng giơ tay là Phật pháp. Cho đến khi bị Câu Chi chặt đứt, không có ngón tay để giơ lên mới hiểu rằng Phật pháp không tồn tại ở hình tướng.

Câu Chi lúc sắp viên tịch, hướng đại chúng bảo :

-Tôi nhận được một ngón tay thiền của Thiên Long, dùng cả đời không hết !

Nói một cách công bình, nếu không có sự khích lệ của Thật tế làm sao Câu Chi nhận được một ngón tay thiền của Thiên Long ? Về tiểu sử của ni cô Thật Tế thì chúng ta không biết một tí gì cả, chỉ biết cô sống vào đời Đường, đi giáo hoá thiền pháp khắp nơi.

(Thiền chi hoa)

XV. Giác Am.

Giác Am là một vị nữ thiền sư họ Tổ, cháu gái của Kiến Ninh du sát viện. Từ nhỏ bà đã muốn sống độc thân, chuyên tu Thiền định. Sau theo học Viên Ngộ Khắc Cần. Khắc Cần và Phật Nhãn Thanh Viễn, Phật Giám Huệ Cần được người đương thời gọi là Thiền Lâm Tam Kiệt. Giác Am thiện căn thâm hậu, nghe Viên Ngộ khai thị, liền ngộ. Bà trình kiến giải cho Khắc Cần.

Khắc Cần bảo :

–Bà phải bỏ đi cái cảnh giới sở kiến thì mới được tự do, tự tại. (Cái gọi là khai ngộ, tức không khai ngộ thì mới được gọi là khai ngộ).

Bà làm một bài kệ trình kiến giải như sau :

*Lộ trụ mọc cốt,
Hư không nhe nanh
Huyền cơ hiểu được
Bụi vương mắt anh.*

Người giác ngộ huyền cơ như người trong mắt có bụi, hà tất giữ bụi lại để làm trở ngại ?

Về sau Hám Sơn có làm một bài kệ khen ngợi :

*Mây trôi không tâm
Chim bay đâu ngại
Muốn lòng được an
Nên quán tự tại.*

Mây trôi đã không tâm, chim bay tự do, tự tại, lúc đó là của an vui, trước mắt là quán tự tại.

XVI. Trí Ngộ.

Bà là người Phúc Châu, họ Vương, bố mất sớm, năm 11 tuổi xin phép xuất gia. Đọc kinh Duy Ma Cật tới phẩm Văn Thù Sư Lợi vấn tịch phẩm hoát nhiên thể ngộ. Bà liền tìm đến Phúc Châu Tuyệt Phong Bắc Sơn Tín thiên sư để được ấn chứng.

Thiên sư hỏi :

-Cô từ đâu tới ?

-Không trú ở bờ Nam Đài Giang (Xem Trịnh Thập Tam Nương)

-Vậy cứu cánh cô trú ở đâu ?

Trí Ngộ không trả lời bỏ đi.

-Cô đi đâu ? Cô đáng ăn gậy của sơn tăng đó !

Cô bị tiếng hét làm toát mồ hôi, hôm sau lại đến hỏi :

-Hôm qua đối thoại của con với hoà thượng sai ở chỗ nào ?

-Cô vì sao lại tới đây tìm chỗ sai vậy ?

Thì ra cô vẫn còn sợ sai, do sự chỉ dẫn của thiền sư cô liền liễu ngộ chỗ không sai, cô nói :

-Trăng tỏ rọi sang người đi đêm.

Thiền sư ưng ý :

-Cô thật có căn khí bất phàm !

XVI. Bà lão đốt am.

1-Có một bà lão dựng một am cỏ cung dưỡng một ông tăng trong 20 năm trời. Bình thời đều do một cô gái xinh đẹp tuổi đôi tám phục thị. Một hôm, bà lão muốn thử công phu tu tập của ông tăng bèn dặn cô gái khi mang cơm đến thì ôm lấy ông tăng coi phản ứng như thế nào ? Cô gái làm y như lời dặn và hỏi ông tăng :

-Thầy cảm thấy thế nào ?

-Giống như cây khô trên núi lạnh, giống như trời đông băng giá không chút hơi ấm.

Nghe cô gái thuật lại, bà lão bèn đuổi ông tăng đi và đốt trụ am cỏ, nói rằng :

-Ta đã phí 20 cung dưỡng một tên tục tử.

(Thiền thuyết)

Tu sĩ dĩ nhiên là không được gần nữ sắc, nhưng mà tu hành 20 năm mà một điếm từ bi cũng không có thì quả thật là một tên tục tử !

2-Sau khi bị bà lão đuổi đi, ông tăng đi khát thực ba năm, sau đó trở về xin bà lão cho nhập thất. Ít năm sau, cô gái cũng y theo lần trước ôm lấy ông tăng và hỏi :

-Thầy thấy thế nào ?

-Trời biết, đất biết, cô biết, tôi biết nhưng đừng nói cho bà lão biết.

Bà lão nghe được câu nói ấy rất mừng nói với ông tăng :

-Mừng thầy đã ngộ.

(Minh tâm kiến tánh thoại thiên tông)

Câu nói của ông tăng ở công án 1 chỉ sự thanh bạch, không nhiễm bụi trần là một vị Liễu Hạ Huệ khó kiếm. Câu nói trong công án 2 chỉ sự nội chứng. Trời biết, đất biết chỉ giác tánh thông linh, đừng nói cho bà lão chỉ không thể nói được.(đã ngộ tự tánh)

XVIII. *Quyển thuộc của bà lão.*

Một ông tăng trên đường đi hành cước tìm chỗ tá túc qua đêm, thấy một am cỏ bèn vào xin, thấy trong am chỉ có một bà già bèn hỏi :

-Bà lão không có quyển thuộc gì sao ?

Bà lão nhìn mặt ông thấy là người tử tế, không phải là người xấu, bèn đáp :

-Có.

Ông tăng ngoảnh nhìn bốn phía không thấy ai, nghi hoặc hỏi :

-Ở đâu vậy ?

-Sơn hà đại địa, bất kể cây cỏ đều là quyền thuộc.

-Bà cụ đừng hỗn tạp.

-Ta không hỗn tạp.

Và bà cụ hỏi lại :

-Ta là người thế nào ?

-Người tục.

-Thầy chẳng phải là ông tăng.

-Sao thế ?

-Thầy là người nam, ta là người nữ há hỗn tạp sao ?

(Nữ thiên sư khai ngộ cố sự)

Ông tăng là nam, bà già là nữ, đạo lý này phổ biến khắp thiên hạ chân thật không dối cùng với pháp thân đồng trú.

XIX. *Lưu Thiết Ma.*

Bà người họ Lưu là học trò Quy Sơn Linh Hựu, trú ở một am cỏ cách núi Quy Sơn mười dặm. Một hôm bà đến thăm Quy Sơn. Quy Sơn nói :

-Mẹ trâu đã đến !

-Ngày mai Ngũ Đài Sơn có cung ứng trai phạn, thầy có đi không ?

Quy Sơn nghe rồi, nằm xuống ngủ. Ni cô không nói một lời, bỏ đi.

(Bích Nham Lục)

Quy Sơn ở Hồ Nam, Ngũ Đài Sơn ở Sơn Tây, có muốn đến thọ trai cũng không thể được. Quy Sơn nằm ngủ có ý nói : đã ăn no rồi, không cần đi Ngũ Đài Sơn thọ trai nữa.

Thật là kỳ quái, sư phụ lại gọi đệ tử mình là mẹ trâu. Có người cho là “thám can ảnh thảo” là hai phương pháp bắt cá (cách thứ nhất là móc lông chim vào lưới câu để dụ cá, cách thứ hai là cắt cỏ rồi rải xuống nước cũng để dụ cá đến) Theo một thoại khác thì Quy Sơn nghe rồi liền rên lên : Hừ ! Hừ !

Lưu Thiết Ma cũng không chịu kém cũng kêu Hừ ! Hừ ! náo loạn cả phòng. Quy Sơn chỉ đành nằm xuống giả vờ ngủ.

XX. Bà chặn trâu ở Bình Điền.

Học trò của Bá Trượng là Bình Điền Phổ Ngạn, năm Đường Văn Tông Thái Hoà năm thứ 7 lập Bình Điền Thiền Viện ở núi Thiên Thai. Một hôm, thiền sư Lâm Tế đến tham Bình Điền. Trên đường đi, thấy một bà đang cày ruộng, bà này điều khiển trâu cày rất thành thạo. Lâm Tế đến gần lễ phép hỏi :

-Xin hỏi đường đến Bình Điền Thiền Viện đi lối nào ?

Bà này tựa hồ như cận thị hoặc lãng tai, không biết đến sự tồn tại của Lâm Tế, cứ lo cày. Sau đó, không biết con trâu làm gì sai, bà dùng roi vọt và mắng :

-Con súc sanh này, chạy Đông, chạy Tây, chạy đến đây cũng không biết đường !

Lâm Tế lại lớn tiếng lập lại câu hỏi. Bà này lại nói :

-Súc sanh này đã 5 tuổi rồi mà vẫn chưa dùng được.

Câu trả lời chẳng ăn nhập gì đến câu hỏi cả, bà ta chỉ lo sai bảo trâu. Chăn trâu chính là tu tâm. Lâm Tế là người thông tuệ liền biết ngay bà già này là một vị cao nhân, dùng đánh hét để giải trừ phiền não, ngộ thiền, kiến tánh.

XXI. Giác Chân.

Bà là người họ Đinh, thông tuệ ham tu hành, cơ duyên thành nhiệt, bà tới tham Điền Tuyết Canh thiền sư ở núi Uy Vũ Sơn, hoát nhiên thể ngộ bèn kết am cỏ ở tu một mình.

Một hôm bà tới tham Cổ Ngu, Cổ Ngu hỏi :

-Con gái nhà lành chạy Đông, chạy Tây để làm gì ?

-Con đặc biệt tới thăm hoà thượng.

-Ta nơi đây không dung nạp nổi cô.

-Dụng công 30 năm, nay bị giặc bắt.

Cổ Ngu không nói gì nữa.

XXII. Bà Du bán bánh chiên.

Bà Du thích học Phật, tham thiền. Bà thường đến *tham* học thiền sư Vĩnh Khởi, thiền sư thấy bà có thiện căn bèn bảo bà tham

công án Vô vị chân nhân. Bà Du toàn tâm, toàn ý tham công án này dần dần tâm thành một phiến, ăn chẳng biết là ăn, ngủ chẳng biết là ngủ, toàn bộ là nghi tình. Một hôm bà đang chiên bánh chuẩn bị mang ra chợ bán, chợt nghe ngoài cửa có tên ăn mày hát rằng :

-Nếu Liễu Nghị không đưa thư, làm sao duyên tới Động Đình Hồ?

Đây là câu chuyện Liễu Nghị trên đường về quê gặp một thiếu phụ đang chăn trâu. Bà ta cho biết mình là con gái Long Quân ở Động Đình Hồ, vì chồng không tốt nên phải bị khổ, nhờ Liễu Nghị báo tin cho cha biết. Liễu Nghị đi báo tin được thưởng tiền, sau lại lấy con gái Long Vương.

Bà Du nghe câu hát này liền ngộ. Thời tiết nhân duyên đã tới, chính bà đã tới Động Đình Hồ. Bà bèn gạt đồ ăn trên bàn xuống đất. Chồng bà hét lên :

-Mụ có khùng không đó !

Bà Du bèn đánh chồng và bảo :

-Đây chẳng phải là cảnh giới của ông !

Sau đó bà đi gặp sư phụ.

Thiền sư thấy bà đến bèn hỏi :

-Ai là Vô vị chân nhân ?

-Có một Vô vị chân nhân, ba đầu sáu tay, giơ tay phân Hoa Sơn thành hai, nước chảy ngàn năm chẳng hết Xuân.

Thiền sư chấp nhận.

XXIII. *Diệu Tín.*

Diệu Tín là học trò của Ngưỡng Sơn, sử sự mọi việc rất thông minh nhanh nhẹn. Ngưỡng Sơn biết cô có tài bèn giao cho cô toàn quyền phụ trách tiếp đãi những khách ở bên ngoài tới. Một ngày kia có 17 ông tăng người Tứ Xuyên đến thăm, chuẩn bị hỏi pháp Ngưỡng Sơn. Sau bữa cơm chiều, các ông tăng không có chuyện gì làm bèn tranh luận về Phật pháp. Khi đề cập tới công án gió động, cò động thì 17 ông có 17 ý kiến, tranh cãi náo loạn. Âm thanh lọt đến tai Diệu Tín. Diệu Tín hét lớn :

-17 ông tăng kia, ngày mai trước khi đi phải thanh toán tiền phòng, tiền cơm cho rõ ràng.

Thái độ uy nghi khiến các ông tăng bỗng nhiên im bật, không biết làm sao cho phải. Diệu Tín lại gia lệnh :

-Không được tranh cãi, hãy đến trình diện ta, ta sẽ nói cho các ông nghe.

17 người bất giác chạy đến trước mặt Diệu Tín. Diệu Tín nói :

-Nếu đã không phải gió động, cũng không phải cò động thì làm sao tâm động ?

Các ông tăng hoát nhiên khai ngộ, đều thấy không cần nghe Ngưỡng Sơn giảng pháp nữa. Ngày hôm sau toàn thể đến từ biệt Diệu Tín mà đi.

(Nhất vị thiên)

Hai ông tăng chấp vào ngoại cảnh (gió, cò). Câu nói của Lục Tổ là chấp vào tâm. Thực ra thì ngài đã vượt lên tâm và cảnh. Câu nói của Ngài chỉ đơn giản chỉ cho hai ông tăng chấp vào cảnh là sai lầm. Câu của Diệu Tín phá cả tâm cảnh mới là hoàn toàn

không chấp. Những gì khái niệm hoá thì không phải là thực tại. Thiền dạy chúng ta nhìn và hiểu sự vật như chính nó, chớ không bằng sự phân tích hay khái niệm hoá.